

Số: 10/2023/QĐST- DS

, ngày 28 tháng 02 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải T ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 243/2022/TLST - DS ngày 29/11/2022

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải T về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải T, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P

Trụ sở: Tầng 16, 23, 24 Tòa nhà Miprec số 229 T, phường N, quận Đ, T phố H. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đ. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T. Chức vụ: Chuyên viên xử lý và thu hồi nợ Ngân hàng TMCP P. Địa chỉ liên hệ: 47 L, phường P T phố N (Văn bản ủy quyền số 179/2022/UQ-GĐ ngày 12/9/2022)

* Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T D, sinh năm 1974

Bà Trương Thị Phước T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Thạch T, xã Ninh Quang, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa

2. Nội dung thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Bà Trương Thị Phước T, ông Nguyễn Văn T D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 20/02/2023 là 833.567.301 đồng (trong đó số tiền nợ gốc là 738.765.200 đồng, lãi trong hạn 85.658.888 đồng, lãi quá hạn 9.143.213 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 0719/2018/KH/HĐTD-CN/PgbankKH ngày 08/11/2018; Khế ước nhận nợ số 01/0719//2018/KH/KUNN-CN/PgbankKH ngày 08/11/2018 và hợp đồng tín dụng số 0165/2019/KH/HĐTD-CN/PG Bank ngày 21/3/2019; Khế ước nhận nợ số 01/0165/2019/KH/ĐNGN-KUNN-CN/PGBANK ngày 21/3/2019 kể từ ngày 21/02/2023 cho đến khi bà T, ông D trả hết số tiền nợ cho Ngân hàng TMCP P

+ Thời hạn trả chậm nhất là ngày 31/3/2023.

+ Khi bà T, ông D trả hết số tiền nợ cho Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex thì Ngân hàng phải trả lại giấy tờ cho bà T, ông D là bản chính giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

số CO 246256, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01567 do Ủy ban nhân dân thị xã N cấp ngày 26/10/2018 đứng tên bà Trương Thị Phước T.

+ Trường hợp đến thời hạn trả nợ (chậm nhất là ngày 31/3/2023) bà T, ông D không thanh toán số tiền trên cho **Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex** thì **Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex** có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 911, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại thôn Thạch T, xã Ninh Quang, thị xã N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 246256, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01567 do Ủy ban nhân dân thị xã N cấp ngày 26/10/2018 đứng tên bà Trương Thị Phước T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0179/2018/KH/BĐ ngày 08/11/2018 được công chứng tại Văn phòng công chứng Hoàng Huệ - Phạm Tuấn, tỉnh Khánh Hòa (số công chứng 10.453, quyền số 04/2018/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/11/2018) và đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã N để ngân hàng thu hồi nợ.

Về án phí: Bị đơn bà Trương Thị Phước T, ông Nguyễn Văn T D tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự. Như vậy, bà T, ông D phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 18.503.510 đồng (Mười tám triệu năm trăm lẻ ba ngàn năm trăm mười đồng). Hoàn lại cho **Ngân hàng TMCP P** số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 19.849.000 đồng (Mười chín triệu tám trăm bốn mươi chín ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005439 ngày 28/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Về chi phí tố tụng: Bị đơn bà Trương Thị Phước T, ông Nguyễn Văn T D phải trả cho **Ngân hàng TMCP xăng dầu P** số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Quy định: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- VKS thị xã N;
- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thủy